SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; Thời gian ký: 03/12/2024 09:59:59 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 435 /BC-UBND	*Bình Phước, ngày 03 tháng 12 năm 2024*

BÁO CÁO
Tiếp thu, giải trình, điều chỉnh theo ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định về phí thăm quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Căn cứ Báo cáo số 64/BC-HĐND-VHXH ngày 21/11/2024 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh về việc thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định về phí thăm quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 3715/TTr-SVHTTDL ngày 29/11/2024; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 2798/STP-PC ngày 27/11/2024; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 4119/STC-HCSN ngày 28/11/2024,

UBND tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết trên, cụ thể như sau:

1. Nội dung thứ nhất

- Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh: Đề nghị UBND tỉnh xem xét quy định đối với người thuộc diện hưởng từ hai trường hợp ưu đãi trở lên (vừa thuộc đối tượng miễn, vừa thuộc đối tượng giảm 50%) quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết thì chỉ được hưởng một mức miễn, giảm cao nhất.

- Ý kiến của UBND tỉnh: Tiếp thu và bổ sung quy định vào điểm b, Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết:

"b) Người thuộc diện được miễn phí thăm quan quy định tại khoản 1 vừa thuộc đối tượng được giảm 50% phí thăm quan quy định tại khoản 2 Điều này thì chỉ được hưởng mức ưu đãi cao nhất."

2. Nội dung thứ hai

- Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh: Đề nghị UBND tỉnh rà soát để quy định đầy đủ các đối tượng được giảm phí thăm quan theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa

- Ý kiến của UBND tỉnh: Tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung như sau:

+ Bổ sung cụm từ *"và vùng sâu, vùng xa theo quy định của Chính phủ"* vào câu *"Nhân dân ở các xã đặc biệt khó khăn, miền núi"* tại nội dung số 1 điểm a Khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết.

+ Đưa nội dung quy định "*Người khuyết tật nặng quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật*" trong đoạn "*Người khuyết tật nặng quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật, các đối tượng được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội; học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú*" quy định tại nội dung thứ ba điểm a Khoản 2 Điều 3 của dự thảo thành 01 điểm tại Khoản 2 Điều 3.

+ Bổ sung cụm từ *"quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật phí và lệ phí năm 2015 quy định về các đối tượng miễn, giảm phí, lệ phí"* vào sau cụm từ *"Người thuộc hộ nghèo"* vào sau cụm từ *"Người thuộc hộ nghèo"* tại điểm b Khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết.

UBND tỉnh trân trọng báo cáo để HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Gửi kèm: Dự thảo Nghị quyết của HĐND trình đã chỉnh sửa theo ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và Hồ sơ Tờ trình số 3715/TTr-SVHTTDL ngày 29/11/2024 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: VH,TT&DL, TP, TC;
- VPUB: LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, PVX (Nga.720/24).

CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2024/NQ-HĐND	*Bình Phước, ngày tháng năm 2024*

Dự thảo
đã tiếp thu theo ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HDND tỉnh

NGHỊ QUYẾT
Quy định về phí thăm quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X, KỲ HỌP THỨ....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí

thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 64/BC-HĐND ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí thăm quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước thuộc địa phương quản lý.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với di tích lịch sử, công trình văn hóa là cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp phí thăm quan: Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thăm quan các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước thuộc địa phương quản lý.

b) Tổ chức thu phí thăm quan: Các cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao trực tiếp quản lý, thu phí và khai thác các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa, bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước thuộc địa phương quản lý.

Điều 2. Mức thu phí

1. Mức thu phí thăm quan được áp dụng thống nhất đối với người Việt Nam và người nước ngoài. Mức thu phí cụ thể như sau:

a) Người từ đủ 16 tuổi trở lên: Từ 20.000 đồng/người/lượt đến 50.000 đồng/người/lượt.

b) Trẻ em từ đủ 06 tuổi đến dưới 16 tuổi: Từ 10.000 đồng/người/lượt đến 25.000 đồng/người/lượt.

2. Mức thu phí cụ thể cho từng di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 3. Đối tượng được miễn, giảm phí thăm quan

1. Miễn phí thăm quan

a) Người khuyết tật đặc biệt nặng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

b) Trẻ em dưới 06 tuổi.

2. Giảm 50% phí thăm quan

a) Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa:

- Nhân dân ở các xã đặc biệt khó khăn, miền núi và vùng sâu, vùng xa theo quy định của Chính phủ.

- Người có công với cách mạng: Cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ "tiền khởi nghĩa", thân nhân liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; người được chăm sóc tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương, bệnh binh và người có công.

- Các đối tượng được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội; học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

b) Người khuyết tật nặng quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

c) Người thuộc hộ nghèo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật phí và lệ phí năm 2015 quy định về các đối tượng miễn, giảm phí, lệ phí.

d) Người cao tuổi quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi.

e) Học sinh, sinh viên (khi thăm quan bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa) quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

3. Các trường hợp khác

a) Người thuộc diện hưởng từ hai trường hợp ưu đãi trở lên quy định tại Khoản 2 Điều này thì chỉ giảm 50% mức phí thăm quan.

b) Người thuộc diện được miễn phí thăm quan quy định tại Khoản 1 vừa thuộc đối tượng được giảm 50% phí thăm quan quy định tại Khoản 2 Điều này thì chỉ được hưởng mức ưu đãi cao nhất.

Điều 4. Chế độ kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan

1. Cơ quan, tổ chức thu phí được để lại 100% tổng số tiền phí thu được để quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

2. Chế độ kê khai, thu, nộp phí thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND tỉnh ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phí thăm quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Khóa X, kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm 2024 và có hiệu lực từ ngày... tháng... năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ VH,TT&DL, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (đăng Công báo tỉnh);
- Lưu: VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VT(kèm720).

CHỦ TỊCH

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC **SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3715 /TTr-SVHTTDL	*Bình Phước, ngày 29 tháng 11 năm 2024*

TỜ TRÌNH

Ban hành Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định về phí thăm quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Công văn số 4910/UBND-KGVX ngày 25/11/2024 của UBND tỉnh về việc giao nghiên cứu, tham mưu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban VH-XH HĐND tỉnh tại Báo cáo số 64/BC-HĐND-VHXH ngày 21/11/2024.

Sau khi nghiên cứu nội dung thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội HĐND tỉnh tại Báo cáo số 64/BC-HĐND-VHXH ngày 21/11/2024, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu tiếp thu, giải trình như sau:

1. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Ban văn hóa - xã hội HĐND tỉnh

Nội dung thứ nhất:

- Ý kiến thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội HĐND tỉnh: Đề nghị UBND tỉnh xem xét quy định đối với người thuộc diện hưởng từ hai trường hợp ưu đãi trở lên (vừa thuộc đối tượng miễn vừa thuộc đối tượng giảm 50%) quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết thì chỉ được hưởng một mức miễn, giảm cao nhất.

- Ý kiến của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tiếp thu ý kiến thẩm tra và bổ sung quy định vào điểm b, Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết:

"b) Người thuộc diện được miễn phí thăm quan quy định tại khoản 1 vừa thuộc đối tượng được giảm 50% phí thăm quan quy định tại khoản 2 Điều này thì chỉ được hưởng mức ưu đãi cao nhất."

Nội dung thứ hai:

- Ý kiến thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội HĐND tỉnh: Rà soát để quy định đầy đủ các đối tượng được giảm phí thăm quan theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa.

- Ý kiến của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tiếp thu ý kiến thẩm tra và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung cụ thể như sau:

+ Bổ sung cụm từ *"và vùng sâu, vùng xa theo quy định của Chính phủ"* vào câu *"Nhân dân ở các xã đặc biệt khó khăn, miền núi"* tại nội dung số 1 điểm a Khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết.

+ Đưa nội dung quy định *"Người khuyết tật nặng quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật"* trong đoạn *"Người khuyết tật nặng quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật, các đối tượng được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội; học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú"* quy định tại nội dung thứ ba điểm a Khoản 2 Điều 3 của dự thảo thành 01 điểm tại Khoản 2 Điều 3.

+ Bổ sung cụm từ *"theo quy định của cơ quan có thẩm quyền"* vào sau cụm từ *"Người thuộc hộ nghèo"* tại điểm b Khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết.

2. Kết quả lấy ý kiến góp ý

Ngày 26/11/2024, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Công văn số 3668/SVHTTDL-VH đề nghị Sở Tư pháp, Sở Tài chính có ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết và dự thảo Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết.

Đến hết ngày 28/11/2024, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận được 02 văn bản góp ý của: Sở Tư pháp tại Công văn số 2798/STP-PC ngày 27/11/2024, Sở Tài chính tại Công văn số 4119/STC-HCSN ngày 28/11/2024.

Ý kiến góp ý và ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Ý kiến góp ý của Sở Tài chính: Thống nhất với nội dung các dự thảo.

- Ý kiến góp ý của Sở Tư pháp: Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Báo cáo của UBND tỉnh. Đối với nội dung bổ sung và giải trình: "+ Bổ sung cụm từ *"theo quy định của cơ quan có thẩm quyền"* vào sau cụm từ *"Người thuộc hộ nghèo"* tại điểm b Khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết." là chưa đầy đủ, cụ thể. Do đó, đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp thu một phần và chỉnh sửa theo hướng sau cho thống nhất vì các đối tượng miễn, giảm sau khi chỉnh sửa theo hướng quy định cụ thể đối tượng miễn, giảm ở các văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên, cụ thể: *"Người thuộc hộ nghèo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Phí và lệ phí năm 2015 quy định về các đối tượng miễn, giảm phí, lệ phí."*.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Báo cáo tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm tra của ban văn hóa - xã hội HĐND tỉnh.

Kính trình UBND tỉnh xem xét, ban hành.

(Gửi kèm: Dự thảo Nghị quyết, dự thảo Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra; văn bản góp ý của Sở Tư pháp, Sở Tài chính)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, VH(N).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Vũ Thanh Ngữ

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-UBND **DỰ THẢO**	*Bình Phước, ngày tháng năm 2024*

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình, điều chỉnh theo ý kiến thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định về phí thăm quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Căn cứ Báo cáo số 64/BC-HĐND-VHXH ngày 21/11/2024 của Ban văn hóa - xã hội HĐND tỉnh về việc thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định về phí thăm quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Ngày 25/11/2024, UBND tỉnh ban hành Công văn số 4910/UBND-KGVX chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu ý kiến thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội HDND tỉnh tại Báo cáo số 64/BC-HĐND-VHXH ngày 21/11/2024 theo quy định.

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số /TTr-SVHTTDL ngày ...../11/2024.

UBND tỉnh báo cáo giải trình, tiếp thu như sau:

1. Nội dung thứ nhất:

- Ý kiến thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội HĐND tỉnh: Đề nghị UBND tỉnh xem xét quy định đối với người thuộc diện hưởng từ hai trường hợp ưu đãi trở lên (vừa thuộc đối tượng miễn vừa thuộc đối tượng giảm 50%) quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết thì chỉ được hưởng một mức miễn, giảm cao nhất.

- Ý kiến của UBND tỉnh: Tiếp thu ý kiến thẩm tra và bổ sung quy định vào điểm b, Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết:

"b) Người thuộc diện được miễn phí thăm quan quy định tại khoản 1 vừa thuộc đối tượng được giảm 50% phí thăm quan quy định tại khoản 2 Điều này thì chỉ được hưởng mức ưu đãi cao nhất."

2. Nội dung thứ hai:

- Ý kiến thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội HĐND tỉnh: Rà soát để quy định đầy đủ các đối tượng được giảm phí thăm quan theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa

- *Ý kiến của UBND tỉnh:* Tiếp thu ý kiến thẩm tra và điều chỉnh, bổ sung một số nội dung cụ thể như sau:

+ Bổ sung cụm từ *"và vùng sâu, vùng xa theo quy định của Chính phủ"* vào câu *"Nhân dân ở các xã đặc biệt khó khăn, miền núi"* tại nội dung số 1 điểm a Khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết.

+ Đưa nội dung quy định *"Người khuyết tật nặng quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật"* trong đoạn *"Người khuyết tật nặng quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật, các đối tượng được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội; học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú"* quy định tại nội dung thứ ba điểm a Khoản 2 Điều 3 của dự thảo thành 01 điểm tại Khoản 2 Điều 3.

+ Bổ sung cụm từ *"quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật phí và lệ phí năm 2015 quy định về các đối tượng miễn, giảm phí, lệ phí"* vào sau cụm từ *"Người thuộc hộ nghèo"* tại điểm b Khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết.

UBND tỉnh trân trọng báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Gửi kèm: Dự thảo Nghị quyết quy định về phí thăm quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước của UBND tỉnh đã chỉnh sửa theo ý kiến thẩm tra; sổ sơ Tờ trình số /TTr-SVHTTDL ngày /11/2024 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)./.

Nơi nhận:
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Sở VHTTDL;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, KGVX(Nga…).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2024/NQ-HĐND	*Bình Phước, ngày tháng năm 2024*

Dự thảo
Điều chỉnh theo báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa – xã hội HDND tỉnh

NGHỊ QUYẾT
Quy định về phí thăm quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ….

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày..tháng..năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số.../BC-HĐND ngày...tháng..năm 2024 của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí thăm quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước thuộc địa phương quản lý.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với di tích lịch sử, công trình văn hóa là cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp phí thăm quan: Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thăm quan các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước thuộc địa phương quản lý.

b) Tổ chức thu phí thăm quan: Các cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao trực tiếp quản lý, thu phí và khai thác các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa, bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước thuộc địa phương quản lý.

Điều 2. Mức thu phí

1. Mức thu phí thăm quan được áp dụng thống nhất đối với người Việt Nam và người nước ngoài. Mức thu phí cụ thể như sau:

a) Người từ đủ 16 tuổi trở lên: Từ 20.000 đồng/người/lượt đến 50.000 đồng/người/lượt.

b) Trẻ em từ đủ 06 tuổi đến dưới 16 tuổi: Từ 10.000 đồng/người/lượt đến 25.000 đồng/người/lượt.

2. Mức thu phí cụ thể cho từng di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 3. Đối tượng được miễn, giảm phí thăm quan

1. Miễn phí thăm quan

a) Người khuyết tật đặc biệt nặng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

b) Trẻ em dưới 06 tuổi.

2. Giảm 50% phí thăm quan

a) Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa:

- Nhân dân ở các xã đặc biệt khó khăn, miền núi và vùng sâu, vùng xa theo quy định của Chính phủ.

- Người có công với cách mạng: Cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ "tiền khởi nghĩa", thân nhân liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; người được chăm sóc tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương, bệnh binh và người có công;

- Các đối tượng được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội; học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

b) Người khuyết tật nặng quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

c) Người thuộc hộ nghèo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật phí và lệ phí năm 2015 quy định về các đối tượng miễn, giảm phí, lệ phí.

d) Người cao tuổi quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi.

e) Học sinh, sinh viên (khi thăm quan bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa) quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

3. Các trường hợp khác

a) Người thuộc diện hưởng từ hai trường hợp ưu đãi trở lên quy định tại khoản 2 Điều này thì chỉ giảm 50% mức phí thăm quan.

b) Người thuộc diện được miễn phí thăm quan quy định tại khoản 1 vừa thuộc đối tượng được giảm 50% phí thăm quan quy định tại khoản 2 Điều này thì chỉ được hưởng mức ưu đãi cao nhất.

Điều 4. Chế độ kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm quan

1. Cơ quan, tổ chức thu phí được để lại 100% tổng số tiền phí thu được để quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

2. Chế độ kê khai, thu, nộp phí thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND tỉnh ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phí thăm quan di

tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Khóa X, kỳ họp thứ…thông qua ngày…tháng…năm 2024 và có hiệu lực từ ngày…tháng năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ VH,TT&DL, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (đăng Công báo tỉnh);
- Lưu: VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VT(kèm 675).

CHỦ TỊCH